

Đơn vị: Trường Tiểu học Phương Đông

Chương: 822

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 73 /QĐ- THPĐ ngày 28/10/2025 của trường Tiểu học Phương Đông B)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	4.152.749.761	4.130.749.761		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.112.739.855	4.090.739.855		
a	Chi thanh toán cá nhân	3.634.332.609	3.612.332.609		
	Mục 6000: Tiền lương	1.668.279.602	1.668.279.602		
	Mức 6050: Tiền công lao động thường xuyên theo HĐ	22.000.000			
	Mục 6100: Phụ cấp lương	893.197.418	893.197.418		
	Mục 6200: Tiền thưởng	25.560.000	25.560.000		
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	31.562.400	31.562.400		
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	439.310.589	439.310.589		
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	554.422.600	554.422.600		
b	Chi nghiệp vụ chuyên môn	395.796.346	395.796.346		
	Mục 6500: Dịch vụ công cộng	29.054.190	29.054.190		
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	90.883.400	90.883.400		
	Mục 6600: Thông tin liên lạc	6.500.996	6.500.996		
	Mục 6650: Hội nghị		-		
	Mục 6700: Công tác phí	10.180.000	10.180.000		
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	109.120.000	109.120.000		
	Mục 6900: Sửa chữa TS phục vụ CM	58.529.960	58.529.960		
	Mục 6950: Mua sắm TS phục vụ CM		-		
	Mục 7000: CP nghiệp vụ CM	91.527.800	91.527.800		
c	Chi mua sắm sửa chữa lớn		-		
	Mục 9050: M/sắm TS công tác CM		-		
d	Mua sắm tài sản vô hình	-	-		
	Mức 7050: Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin		-		

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
đ	Chi khác	82.610.900	82.610.900		
	Mục 7750: Chi khác	82.610.900	82.610.900		
đ	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoản chi và đơn vị sự nghiệp có thu	-	-		
	Mục 7952: Chi lập các quỹ phúc lợi của đơn vị sự nghiệp				
	Mục 7953: Chi lập quỹ khen thưởng của đơn vị sự nghiệp				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	40.009.906	40.009.906		
a	Chi thanh toán cá nhân		23.784.906		
	- Mục 6100: Phụ cấp lương	23.784.906	23.784.906		
	- Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ khác cho HS		-		
	- Mục 6200: Tiền thưởng		-		
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		-		
b	Chi nghiệp vụ chuyên môn	16.225.000	16.225.000		
	Mục 6500: Dịch vụ công cộng		-		
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	16.225.000	16.225.000		
	Mục 6600: Thông tin liên lạc		-		
	Mục 7000: CP nghiệp vụ CM		-		
	Mục 7150: Chi về công tác người có công với CM		-		
c	Chi mua sắm sửa chữa lớn				
d	Chi khác	-	-		
	Mục 7750: Chi khác		-		

Kế toán



Nguyễn Thị Tú Uyên

Ngày 28 tháng 10 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Lại Thị Thanh Linh